

THỰC TRẠNG VÀ HIỆU QUẢ SẢN XUẤT CỦA NGHỀ LƯỚI MÀNH TẠI THÀNH PHỐ PHAN THIẾT TỈNH BÌNH THUẬN

THE CURRENT SITUATION AND PRODUCTION EFFICIENCY OF THE FALLINGNET FISHERIES IN PHAN THIET CITY BINH THUAN PROVINCE

Trần Đức Phú, Nguyễn Thị Hiền

Trường Đại học Nha Trang

Tác giả liên hệ: Trần Đức Phú (email: phutd@ntu.edu.vn)

Ngày nhận bài: 21/08/2023; Ngày phản biện thông qua: 25/09/2023; Ngày duyệt đăng: 29/09/2023

TÓM TẮT

Nghiên cứu thực trạng hoạt động khai thác của nghề lưới mảnh tại TP Phan Thiết giúp các nhà quản lý nắm thông tin về nghề lưới mảnh, từ đó có giải pháp quản lý phù hợp với các nghề khai thác vùng ven bờ. Điều tra số liệu ở các cơ quan quản lý về thủy sản, các chủ tàu, thuyền trưởng. Kết quả nghiên cứu cho thấy tàu thuyền khai thác nghề mảnh của TP. Phan Thiết có 84 chiếc/ 183 chiếc của tỉnh Bình Thuận; Năng suất khai thác trung bình đạt được là 440 ± 155 kg/tàu/ngày đối với nhóm tàu từ 12-<15m và 565 ± 166 kg/tàu/ngày đối với nhóm tàu từ 15-<24m; Doanh thu/ngày trung bình là $12,30 \pm 5,23$ triệu đồng ở nhóm tàu có chiều dài từ 12-<15m và $9,53 \pm 3,53$ triệu đồng ở nhóm tàu từ 15-<24m, doanh thu ở nhóm tàu có chiều dài từ 12-<15m cao hơn nhóm tàu 15-<24m; Chi phí/ngày trung bình là $4,55 \pm 0,64$ triệu đồng ở nhóm tàu có chiều dài từ 12-<15m và $4,15 \pm 0,66$ triệu đồng ở nhóm tàu từ 15-<24m, chi phí ở nhóm tàu có chiều dài từ 12-<15m cao hơn nhóm tàu 15-<24m; Lợi nhuận/ngày trung bình là $7,75 \pm 4,87$ triệu đồng ở nhóm tàu có chiều dài từ 12-<15m và $5,38 \pm 3,27$ triệu đồng ở nhóm tàu từ 15-<24m.

Từ khóa: thực trạng khai thác, hiệu quả sản xuất, nghề lưới mảnh TP Phan Thiết

ABSTRACT

Studying the current status of fishing activities of the falling net fisheries in Phan Thiet city helps managers understand information about the fallingnet fisheries, thereby having appropriate management solutions for the fallingnet fisheries in the coastal areas. The surveyed results show that boats exploit the falling net fisheries in Phan Thiet city has 84 vessels/183 vessels of Binh Thuan province; The average yield is 440 ± 155 kg/vessel/day for the group of vessels from 12<15m and 565 ± 166 kg/vessel/day for the group of vessels from 15<24m; Average revenue/day is $12,30 \pm 5.23$ million VND in the group of vessels with length from 12<15m and $9,53 \pm 3.53$ million VND in the group of vessels from 15<24m in length, the group of vessels with a length of 12<15m is higher than the group of vessels of 15<24m; The average cost/day is $4,55 \pm 0.64$ million VND in the group of vessels with length from 12<15m and $4,15 \pm 0.66$ million VND in the group of vessels from 15<24m, the cost in the group vessels with a length of 12<15m are higher than those of a group of vessels of 15<24m; The average daily profit is $7,75 \pm 4,87$ million VND in the group of vessels with the length of 12<15m and $5,38 \pm 3,27$ million VND in the group of vessels from 15<24m in length.

Keywords: exploitation status, production efficiency, falling net fisheries in Phan Thiet city

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bình Thuận là một tỉnh có thế mạnh về nghề khai thác thủy sản và là một trong những ngư trường trọng điểm của cả nước. Theo số liệu của Chi cục Thủy sản Bình Thuận, toàn tỉnh có khoảng 2.000 tàu cá sử dụng ánh sáng đèn để khai thác hải sản, chiếm khoảng 15,9% tổng số tàu thuyền toàn tỉnh. Các nghề khai thác kết hợp ánh sáng chủ yếu là các nghề khai thác cá

nổi nhỏ như: nghề lưới vây có 435 chiếc, trong đó có trên 200 tàu hoạt động nghề vây mùng cá cơm chiếm 3,5%; nghề lưới mảnh có 183 chiếc chiếm 1,4%; câu mực có 1.230 chiếc chiếm 9,8%; pha xúc có 89 chiếc chiếm 0,7%; chụp mực có 78 chiếc chiếm 0,6% [1].

Nghề lưới mảnh là một nghề đặc trưng, truyền thống của nghề khai thác cá tỉnh Bình Thuận. Lưới mảnh thường kết hợp với các

công cụ tập trung đàn cá như các chà, nguồn sáng ... để tạo sự tập trung đàn cá. Lưới mảnh phân thành 2 loại: Lưới mảnh chà sử dụng chà tập trung cá và lưới mảnh đèn sử dụng đèn tập trung cá. Nghề lưới mảnh tại Phan Thiết phát triển khá sớm, theo danh sách đăng ký của Chi cục Thủy sản, nghề lưới mảnh tại thành phố Phan Thiết hiện nay có 84 chiếc/183 chiếc toàn tỉnh chiếm 46%, nghề mảnh ở TP Phan Thiết tập trung chủ yếu ở các phường Hưng Long 29 chiếc, Mũi Né 16 chiếc, Phú Tài 11 chiếc, Thanh Hải 8 chiếc, Đức Thắng 04 chiếc [1]. Sản lượng của nghề chiếm khoảng 5,5% tổng sản lượng khai thác hải sản toàn tỉnh. Đối tượng khai thác là các loài cá nhỏ và mực ống. Nghề lưới mảnh ở Tp. Phan Thiết thường sử dụng các loại bóng đèn cao áp và bóng đèn huỳnh quang để thả sáng tập trung cá.

Kết quả nghiên cứu sẽ bổ sung thêm cơ sở khoa học giúp cơ quan quản lý nghề cá, chính quyền địa phương xây dựng nhiệm vụ tái cơ cấu ngành khai thác thủy sản vùng biển ven bờ tỉnh Bình Thuận theo hướng bền vững, thân thiện môi trường, đáp ứng được định hướng chiến lược phát triển thủy sản đến năm 2030 và bảo vệ an ninh quốc phòng biển đảo.

II. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng, thời gian, phạm vi và nội dung nghiên cứu

- Nghề lưới mảnh ngày và đêm có chiều dài từ 12-<24m ở Tp. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

- Thời gian nghiên cứu: từ tháng 1/2022 đến tháng 12/2022.

- Nội dung nghiên cứu:

+ Thực trạng nghề lưới mảnh: Cơ cấu, kích thước, công suất tàu thuyền, số lượng tàu.

+ Đặc điểm ngư cụ, trang thiết bị khai thác,

hàng hải, lao động trên tàu.

+ Hiệu quả sản xuất: Vốn đầu tư, năng suất khai thác, doanh thu, chi phí, lợi nhuận của nghề lưới mảnh.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Thu thập số liệu thứ cấp

- Điều tra thứ cấp được thực hiện để thu thập số liệu tại các cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực khai thác thủy sản như: Chi cục Thủy sản Bình Thuận, Phòng Kinh tế Tp. Phan Thiết.

- Số liệu thứ cấp gồm: Thông tin chung về hoạt động khai thác hải sản như: cơ cấu đội tàu, lao động, độ tuổi, năng suất khai thác, hiệu quả kinh tế,... những thông tin về kinh tế - xã hội có ảnh hưởng đến hoạt động khai thác hải sản, được thu thập qua các báo cáo tổng kết hàng năm, thống kê của đơn vị quản lý...

2.2. Thu thập số liệu sơ cấp:

Điều tra số liệu sơ cấp được tiến hành bằng cách phỏng vấn trực tiếp chủ tàu/thuyền trưởng tại các cảng cá/bến cá hoặc tại hộ gia đình theo mẫu phiếu. Các thông tin cần thu thập gồm: tàu thuyền, trang thiết bị khai thác, ngư cụ; năng suất khai thác; ngư trường khai thác, sản lượng khai thác, hiệu quả chuyên môn; số lượng lao động trên tàu, cơ cấu độ tuổi, trình độ học vấn của lao động trên tàu....

Xác định cỡ mẫu của từng địa phương có tàu lưới mảnh khai thác hải sản trung vùng nghiên cứu (n_i) theo công thức sau:

$$n_i = N_i \times \frac{n}{N}$$

Trong đó:

N là tổng thể mẫu;

N_i là tổng thể mẫu theo địa phương thứ i;

n là tổng số mẫu cần điều tra;

n_i là tổng số mẫu cần điều tra tại địa phương thứ i ($i=1, 2, 3$).

Phân bố mẫu điều tra:

Bảng 1: Số lượng mẫu điều tra theo địa phương và theo nhóm chiều dài

TT	Địa phương	Nhóm chiều dài tàu (m)		Tổng số mẫu (Tàu)
		12-<15	15-<24	
1	Hưng Long	4	12	16
2	Mũi Né, Phú Tài	11	3	14
3	Bình Hưng, Đức Thắng, Thanh Hải	8	6	14
Tổng		23	21	44

2.3. Phương pháp tính hiệu quả kinh tế:

Các chỉ số kinh tế của tàu gồm: tổng doanh thu, tổng thu nhập, chi phí biến đổi, chi phí cố định (lương lao động) và lợi nhuận ròng của đội tàu được xác định bằng công thức như sau:

+ Tổng thu nhập chuyển biển:

$$TN = DT - CP1$$

Trong đó: TN: là tổng thu nhập chuyển biển

DT: Tổng doanh thu chuyển biển

CP1: Chi phí biến đổi chuyển biển

+ Lợi nhuận ròng chuyển biển:

$$LN = TN - CP2$$

Trong đó: LN: là lợi nhuận ròng chuyển biển

TN: là tổng thu nhập chuyển biển

CP2: Chi phí cố định chuyển biển

+ Tổng doanh thu được xác định bằng giá trị của tổng sản lượng khai thác theo thời giá tại thời điểm bán theo mỗi chuyến biển.

+ Tổng thu nhập của tàu tính bằng tổng doanh thu trừ đi chi phí biến đổi của chuyến biển.

+ Chi phí biến đổi của tàu là tổng các chi

phí hoạt động bao gồm chi phí nhiên liệu, nước đá, thực phẩm, chi phí sửa chữa nhỏ và chi phí khác.

+ Chi phí cố định chuyển biển của tàu là chi phí lương lao động.

+ Lợi nhuận ròng của tàu được xác định bằng tổng doanh thu trừ đi tổng chi phí sản xuất

2.4. Phương pháp xử lý số liệu

Các mẫu thu thập tại bến cá/cảng cá, hộ gia đình được xử lý theo 02 nhóm tàu nhóm chiều dài tàu từ 12-<15m và 15-<24m theo các chỉ số nhằm đánh giá hiệu quả khai thác của nghề. Các mẫu được xử lý theo phương pháp thống kê mô tả và so sánh đánh giá các nhóm tàu bằng T-Test.

Số liệu được xử lý trên các phần mềm hiện có (Excel, Statistica 6.0...), được tổng hợp và phân tích dựa trên các chỉ tiêu thống kê như sản lượng, doanh thu, chi phí, lợi nhuận...

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Cơ cấu nghề lưới mảnh toàn tỉnh Bình Thuận

Bảng 2: Cơ cấu nghề lưới mảnh ở tỉnh Bình Thuận

TT	Địa bàn	Số tàu khai thác theo nhóm chiều dài (chiếc)				Tổng số
		6-<12m	12-<15m	15-<24m	>=24m	
1	TP. Phan Thiết	11	37	36	0	84
2	Huyện Tuy Phong	31	20	1	0	52
3	Thị xã La Gi	6	19	10	0	35
4	Huyện Phú Quý	6	1	5	0	12
	Tổng	54	77	52	0	183
	Tỷ lệ %	29,5	42,1	28,4	0,0	100,0

Bảng 2 cho thấy: số tàu nghề lưới mảnh ở tỉnh Bình Thuận tập trung ở nhóm có chiều dài từ 6-<24m và được phân bố ở 04 huyện/thành phố/thị xã, theo 03 nhóm chiều dài tàu. Số tàu lưới mảnh ở nhóm chiều dài từ 6-<12m, chiếm 29,5%; ở nhóm chiều dài tàu từ 12-<15m, chiếm 42,1% và ở nhóm chiều dài tàu từ 15-<24 chiếm 28,4% tổng số nghề nghề mảnh toàn tỉnh. Trong đó, số tàu nghề mảnh lớn nhất tập trung ở TP. Phan Thiết có 84 chiếc chiếm 46% số tàu nghề mảnh toàn tỉnh. Ở TP. Phan Thiết được chia theo 03 nhóm tàu, ở nhóm tàu có chiều dài từ 6-<12m có 11 chiếc chiếm

13,1%; ở nhóm tàu có chiều dài từ 12-15m có 37 chiếc chiếm 44% và ở nhóm tàu có chiều dài từ 15-<24m có 36 chiếc chiếm 42,9% tổng số tàu nghề lưới mảnh của Tp. Phan Thiết [1].

2. Cơ cấu nghề lưới mảnh ở TP. Phan Thiết

Bảng 3 cho thấy: số tàu nghề mảnh theo các phường/xã và nhóm chiều dài tàu tập trung ở 06 phường bao gồm: Hưng Long, Mũi Né, Phú Tài, Bình Hưng, Đức Thắng và Thanh Hải và tàu thuyền chỉ tập trung ở nhóm chiều dài từ 12-<15m có 37 tàu, nhóm từ 15-<24m có 36 tàu; ở nhóm chiều dài từ 6-<12m có 11 tàu mỗi phường có từ 1-2 tàu.

Bảng 3: Cơ cấu nghề lưới mảnh ở Tp. Phan Thiết [1,2]

TT	Phường/xã	Số tàu khai thác theo nhóm chiều dài (chiếc)			
		6-<12m	12-<15m	15-<24m	Tổng số
1	Hưng Long	1	6	17	24
2	Mũi Né	1	10	1	12
3	Phú Tài	2	7	3	12
4	Bình Hưng	1	7	3	11
5	Đức Thắng		2	4	6
6	Thanh Hải		2	2	4
7	Lạc Đạo			3	3
8	Đức Long			1	1
9	Đức Nghĩa	2	1		3
10	Phú Hải	2	1		3
11	Phú Thủy	2	1		3
12	Phú Trinh			1	1
13	Tiến Thành			1	1
14	Tổng cộng	11	37	36	84

3. Đặc điểm tàu thuyền và trang thiết bị khai thác, hàng hải nghề lưới mảnh

Tàu thuyền nghề lưới mảnh ở TP. Phan Thiết sử dụng chủ yếu tàu làm bằng vật liệu gỗ và tuổi của tàu trên 10 năm và mang đậm

nét đặc trưng khai thác của nghề mảnh là hoạt động ở vùng lộng và vùng biển xa bờ. Tàu có kích thước chủ yếu từ 12-<24m và trang bị 01 máy chính và 01 máy đèn. Đặc điểm cơ bản của tàu theo nhóm chiều dài tàu như ở bảng 4.

Bảng 4: Đặc điểm kỹ thuật của nghề lưới mảnh ở Tp. Phan Thiết

TT	Tên thông số	Giá trị thống kê	Giá trị thống kê	
			12-<15 m (n=23)	15-<24m (n=21)
1	Chiều dài tàu (m)	Trung bình	13,45	16,33
		Độ lệch chuẩn	0,93	1,01
2	Chiều rộng tàu (m)	Trung bình	4,20	5,08
		Độ lệch chuẩn	0,29	0,51
3	Chiều cao (m)	Trung bình	2,10	2,41
		Độ lệch chuẩn	0,14	0,33
4	Công suất máy chính (CV)	Trung bình	135,95	312,68
		Độ lệch chuẩn	107,89	87,06
5	Giá trị hiện tại vỏ tàu và máy tàu	Trung bình	600,00	1.352,38
		Độ lệch chuẩn	70,71	486,69

Bảng 4 cho thấy: đặc điểm kỹ thuật của tàu nghề mảnh ở nhóm tàu có chiều dài từ 12-<15m có kích thước vỏ tàu trung bình là (13,45x4,20x2,10)m; công suất máy chính trung bình là 135,95±107,89cv; giá trị hiện tại của vỏ tàu và máy chính trung bình là 600±70,71 triệu đồng/tàu. Ở nhóm tàu có

chiều dài từ 15-<24m, kích thước tàu trung bình là (16,33x5,08x2,41)m; công suất máy chính trung bình là 312,68±87,06cv; giá trị hiện tại của vỏ tàu và máy chính là 1.352,38±486,69 triệu đồng/tàu. Trang thiết bị khai thác, hàng hải của nghề mảnh được thống kê ở bảng 5.

Bảng 5: Tỷ lệ trang bị thiết bị khai thác, hàng hải

TT	Tên thiết bị	Tỷ lệ trang bị thiết bị (%)	
		12-<15 m (n=23)	15-<24m (n=21)
1	Máy tời	100	100
2	La bàn	100	100
3	Định vị	100	100
4	Thông tin tầm gần	100	100
5	Thông tin tầm xa	0	100
6	Máy dò cá đứng	0	100
7	Giám sát hành trình	0	100

Bảng 5 cho thấy: nghề lưới mảnh trang bị thiết bị khai thác, thiết bị hàng hải máy tời, la bàn, định vị và máy thông tin tầm gần đạt 100%. Ở nhóm tàu có chiều dài từ 15-<24m có trang bị thêm máy thông tin tầm xa và máy dò đứng đạt 100%. Đây là các thiết bị cần thiết cho hoạt động khai thác, an toàn, thông tin liên lạc của các tàu nghề lưới mảnh cũng như các nghề khai thác khác. Thiết bị giám sát hành trình đạt 100% ở loại tàu có chiều dài từ 15-

<24m. Như vậy đa phần các tàu nghề lưới mảnh đều đáp ứng yêu cầu hoạt động khai thác của nghề và quy định về trang thiết bị.

4. Đặc điểm ngư cụ và kỹ thuật khai thác

Trên tàu lưới mảnh tại TP. Phan Thiết thường sử dụng gồm có 02 loại là lưới mảnh khai thác ban đêm (lưới mảnh đêm) và lưới mảnh khai thác ban ngày (lưới mảnh ngày). Kết quả điều tra về các đặc điểm chính của lưới mảnh ngày, đêm như ở bảng 6.

Bảng 6: Đặc điểm cơ bản ngư cụ nghề mảnh

TT	Tên thông số	Giá trị thống kê	Giá trị thống kê	
			12-<15 m (n=23)	15-<24m (n=21)
1	2a tại miệng lưới (mm)	Trung bình	20,20 - 25,52	20,86 - 28,24
		Độ lệch chuẩn	1,2 - 2,22	1,59 - 2,46
2	2a tại đọt lưới (mm)	Trung bình	21,23 - 22,50	23,41 - 25,52
		Độ lệch chuẩn	1,87 - 2,50	2,06 - 2,46
3	Chiều rộng miệng (m)	Trung bình	34,65 - 61,95	36,62 - 62,50
		Độ lệch chuẩn	3,54 - 6,27	3,68 - 6,63
4	Chiều dài giềng phao (m)	Trung bình	42,57 - 68,85	43,94 - 69,24
		Độ lệch chuẩn	1,63 - 6,06	5,62 - 6,26
5	Vốn đầu tư vàng lưới (triệu đồng)	Trung bình	70,50 - 135,56	98,33 - 147,94
		Độ lệch chuẩn	4,50 - 20,36	8,27 - 22,22

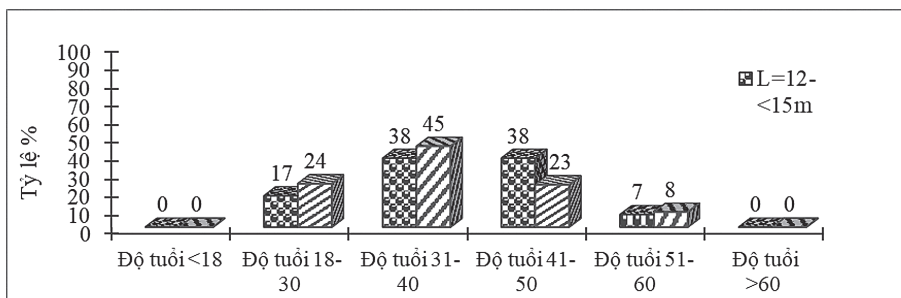
Bảng 6 cho thấy, thông số cơ bản của vàng lưới mảnh khai thác ban ngày và ban đêm trên tàu có kích thước mắt lưới trung bình ở miệng lưới dao động từ 20-28mm; ở đọt từ 21-23mm so với quy định tại [4], trong đó quy định loại ngư cụ mảnh, rùng có kích thước mắt lưới tối thiểu ở bộ phận tập trung cá là 20mm. Chiều rộng của miệng lưới mảnh ngày trung bình từ 34-62m và chiều dài giềng phao từ 42-69m. So với kết quả điều tra của [3], chiều rộng miệng

lưới và chiều dài giềng phao của lưới mảnh ở Bình Thuận không có nhiều thay đổi so với trước đây. Số vàng lưới ngày ở một tàu thường được trang bị từ 4-5 vàng lưới với tổng vốn đầu tư cho vàng lưới vào khoảng từ 70-148 triệu đồng.

5. Thực trạng lao động trên tàu

5.1. Cơ cấu tuổi lao động:

Lao động trên tàu lưới mảnh từ 13-15 người và từ 15-19 người lần lượt ở nhóm tàu có chiều



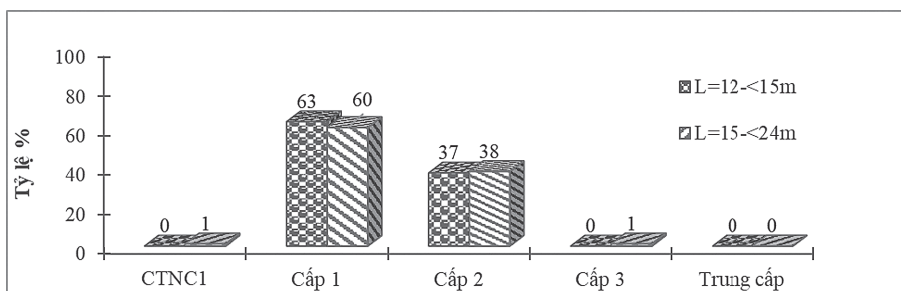
Hình 1: Cơ cấu độ tuổi lao động trên tàu lưới mảnh

dài từ 12-<15m và 15-<24m. Cơ cấu lao động trên các tàu lưới mảnh ở TP. Phan Thiết tập trung trong độ tuổi 18 ÷ 50 tuổi, chiếm khoảng 92-93% tổng số lao động của nghề, trong khi đó lao động trên 50 tuổi chỉ chiếm 7-8% và không có lao động dưới 18 tuổi. So với cơ cấu độ tuổi lao động khai thác hải sản trung bình của cả nước thì lao động nghề lưới mảnh ở TP. Phan Thiết có độ tuổi trẻ hơn, đây là điều kiện thuận lợi để phát triển vì hầu hết lao động đang

nằm trong độ tuổi có đầy đủ sức khỏe, đã có kinh nghiệm và có khả năng học tập, tiếp thu, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ vào thực tiễn sản xuất [2].

5.2. Trình độ học vấn:

Trình độ học vấn là một trong những yếu tố đánh giá chất lượng lao động của nghề cá. Kết quả điều tra trình độ học vấn của lao động nghề lưới mảnh ở Tp. Phan Thiết được thể hiện hình 2.



Hình 2: Trình độ học vấn của lao động trên tàu lưới mảnh.

Mặt bằng trình độ học vấn của ngư dân còn thấp, chủ yếu học hết tiểu học và trung học cơ sở chiếm 60-63% và 37-38% tổng số lao động, tỷ lệ học trung học phổ thông thấp chỉ khoảng 1%; không có lao động nào học từ Trung cấp trở lên. Tỷ lệ lao động học hết tiểu học và trung học cơ sở chiếm **đa số**. Với trình độ đội ngũ như hiện nay, ngư dân chủ yếu làm việc dựa vào kinh nghiệm tích lũy được từ thực tế sản xuất **và điều này sẽ gây khó khăn** trong việc tiếp nhận và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thực tiễn sản xuất.

5.3. Trình độ kỹ thuật khai thác của thuyền viên:

Lao động nghề lưới mảnh chỉ mới được đào tạo chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng nhằm đảm bảo điều kiện để tham gia khai thác trên

biển. Trong tổng số lao động trực tiếp tham gia khai thác nghề mảnh thì số lượng lao động có chứng chỉ thuyền trưởng chiếm 6% tổng số lao động. Trong đó, thuyền trưởng hạng II chiếm 4,2%, hạng IV chiếm 1,8%; máy trưởng chiếm 5,2% tổng số lao động. Phần lớn lao động nghề mảnh trên tàu chủ yếu được đào tạo theo phương thức “cha truyền con nối”, làm theo kinh nghiệm, không qua trường lớp đào tạo chính quy. Thuyền trưởng, máy trưởng, thợ máy chỉ được bồi dưỡng lý thuyết ngắn hạn theo yêu cầu cần thiết để đủ giấy tờ đi biển.

6. Hiệu quả sản xuất

6.1. Năng suất khai thác:

Kết quả điều tra về năng suất khai thác của nghề lưới mảnh tại Tp. Phan Thiết có sự khác biệt rất lớn về số ngày trung bình/chuyến. Ở

nhóm tàu có chiều dài từ 12-<15m, số ngày trung bình/chuyến từ 1-3 ngày; nhưng ở nhóm tàu có chiều dài từ 15-<24m, số ngày khai thác trung bình/chuyến từ 26-40 ngày/chuyến.

Năng suất khai thác trung bình đạt được là 440 ± 155 kg/tàu/ngày và 565 ± 166 kg/tàu/ngày lần lượt ở nhóm tàu có chiều dài 12-<15m và 15-<24m bảng 7.

Bảng 7: Số ngày khai thác và năng suất khai thác

Chỉ số	Giá trị thống kê	Chỉ số theo nhóm chiều dài	
		12-<15 m (n=23)	15-<24m (n=21)
Số ngày trung bình/chuyến (ngày)	Trung bình	2	33
	Độ lệch chuẩn	1	7
Năng suất khai thác (kg/tàu/ngày)	Trung bình	440	565
	Độ lệch chuẩn	155	166

6.2. Hiệu quả kinh tế:

Kết quả điều tra cho thấy, đối tượng khai thác của nghề mảnh là cá nục, cá chỉ vàng, cá ngạn, cá bò, cá diạ và cá khác. Từ kết quả

điều tra doanh thu trung bình quân chuyển biển, tính toán doanh thu, chi phí và lợi nhuận trung bình 01 ngày nghề lưới mảnh như ở bảng 8.

Bảng 8: Hiệu quả kinh tế nghề mảnh tại Tp. Phan Thiết

Chỉ số	Giá trị thống kê	Chỉ số theo nhóm chiều dài tàu (triệu đồng)	
		12-<15 m (n=23)	15-<24m (n=21)
Doanh thu/ngày	Trung bình	12,30	9,53
	Độ lệch chuẩn	5,23	3,53
Chi phí/ngày	Trung bình	4,55	4,15
	Độ lệch chuẩn	0,64	0,66
Lợi nhuận/ngày	Trung bình	7,75	5,38
	Độ lệch chuẩn	4,87	3,27

Bảng 8 cho thấy:

- Doanh thu/ngày: Doanh thu/ngày trung bình là $12,30 \pm 5,23$ triệu đồng của nhóm tàu có chiều dài từ 12-<15m và $9,53 \pm 3,53$ triệu đồng của nhóm từ 15-<24m. Doanh thu ở nhóm tàu có chiều dài từ 12-<15m cao hơn nhóm tàu 15-<24m là do tàu có số ngày khai thác trung bình trên chuyến ngắn từ 1-3 ngày nên sản phẩm bán tại bến có giá cao hơn so với tàu đi biển có số ngày dài hơn.

- Chi phí/ngày: Chi phí/ngày trung bình là $4,55 \pm 0,64$ triệu đồng của nhóm tàu có chiều dài từ 12-<15m và $4,15 \pm 0,66$ triệu đồng của nhóm từ 15-<24m. Chi phí ở nhóm tàu có chiều dài từ 12-<15m cao hơn nhóm tàu 15-<24m là do tàu chi phí nhiên liệu của tàu chạy từ ngư trường vào bờ và ngược lại. Còn các loại chi phí khác của 02 nhóm tàu tương tự nhau.

- Lợi nhuận/ngày: Lợi nhuận/ngày trung bình là $7,75 \pm 4,87$ triệu đồng của nhóm tàu có chiều dài từ 12-<15m và $5,38 \pm 3,27$ triệu đồng

của nhóm từ 15-<24m. Do doanh thu của nhóm tàu có chiều dài từ 12-<15m gấp 1,33% so với nhóm từ 15-<24m, nhưng chi phí nhóm từ 12-<15m gấp 1,1% so với nhóm từ 15-<24m do đó phần lợi nhuận của nhóm từ 12-<15m sẽ cao hơn nhóm từ 15-<24m.

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Hầu hết các tàu làm nghề mảnh khai thác hải sản ở TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận có chiều dài nhỏ hơn 24m, tập trung ở nhóm chiều dài tàu từ 12-<15m và từ 15-<24m. Tàu thuyền và trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động của nghề.

Ngư cụ và kĩ thuật khai thác nghề lưới mảnh là nghề truyền thống của địa phương, trên tàu nghề lưới mảnh trang bị 01 vàng lưới mảnh đêm và 4-5 vàng lưới mảnh ngày. Kích thước mắt lưới của lưới mảnh là tương đối phù hợp với quy định tại Thông tư số 19/2018/TT-BNN&PTNT ngày 15/11/2018 hướng dẫn về

bảo vệ và phát triển thủy sản.

Lao động trên tàu lưới mảnh bình quân trên tàu từ 13-19 người/tàu, lao động chủ yếu trên tàu chưa qua đào tạo về kỹ thuật khai thác, chủ yếu theo kinh nghiệm. Độ tuổi của lao động trên tàu từ 18-50 tuổi, chiếm 92-93% tổng số lao động và trình độ học vấn của lao động chủ yếu là trung học cơ sở.

Năng suất khai thác trung bình đạt khoảng 440 kg/tàu/ngày đối với nhóm tàu từ 12-<15m và 565 kg/tàu/ngày đối với nhóm tàu từ 15-<24m; Doanh thu/ngày trung bình khoảng 12,30 triệu đồng ở nhóm tàu có chiều dài từ 12-<15m và 9,53 triệu đồng ở nhóm tàu từ 15-<24m, Chi phí/ngày trung bình khoảng 4,55 triệu đồng ở nhóm tàu có chiều dài từ 12-<15m và 4,15 triệu đồng ở nhóm tàu từ 15-<24m; Lợi

nhuận/ngày trung bình khoảng 7,75 triệu đồng ở nhóm tàu có chiều dài từ 12-<15m và 5,38 triệu đồng ở nhóm tàu từ 15-<24m.

2. Kiến nghị

Tàu có kích thước từ 6-<12m có số lượng ít, hiệu quả kinh tế thấp do đó cần chuyển sang nghề khác thân thiện hơn, như nghề lồng bẫy hay loại bỏ.

Cần có chính sách hỗ trợ cho ngư dân nghèo làm các nghề khai thác hủy diệt lớn đến nguồn lợi để họ có kinh phí chuyển sang nghề mảnh nhằm giải quyết việc làm và thu nhập được nâng cao.

Cần có nghiên cứu liên kết tổ chức sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả nghề mảnh và phát triển nghề mảnh ra vùng khơi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chi cục thủy sản Bình Thuận, 2022. Thống kê tàu thuyền khai thác hải sản trên địa bàn tỉnh tính từ tháng 1/2022 đến tháng 12/2022.
2. Nguyễn Viết Nghĩa (2019), *Nhiệm vụ xây dựng đề án phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao cho các hoạt động nghiên cứu nguồn lợi và tổ chức khai thác hải sản trên biển, giai đoạn 2020-2030*, Báo cáo tổng kết, Viện nghiên cứu Hải sản.
3. Nguyễn Phi Toàn (2009). Atlas Ngư cụ khai thác hải sản Việt Nam, Viện nghiên cứu Hải sản.
4. Thông tư số 19/2018/TT-BNN&PTNT ngày 15/11/2018 hướng dẫn về bảo vệ và phát triển thủy sản.